TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28/04/2023
V/v: *Ly hôn*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Văn Quân
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trương Thị Hồng Xuân
2. Ông Bùi Văn Hòa

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Thắm - Thư ký Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hoá.

Ngày 28 tháng 04 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 241/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2022 về việc: "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 04 năm 2023 và Quyết định Hoãn phiên tòa số: 18/2023/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 04 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Bùi Thị T; sinh năm: 1991

Địa chỉ: Thôn TT, xã TĐ, huyện T, tỉnh Thanh Hoá. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn H; sinh năm: 1996

Địa chỉ: Thôn TT, xã TĐ, huyện T, tỉnh Thanh Hoá. (Vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 28/10/2022, cũng như bản tự khai ngày 04/11/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Bùi Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện có thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TĐ, huyện T, tỉnh Thanh Hóa ngày 27/03/2019. Sau khi kết hôn thì vợ chồng hòa thuận được 06 tháng thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, không cùng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi cọ, vợ chồng không tìm hiểu kỹ khi lấy nhau. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng đã được gia đình khuyên giải nhưng đều không có kết quả. Vợ chồng ly thân từ năm 2022 cho đến nay không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn

nhân không đạt được nên yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

Về con chung: Vợ, chồng chưa có con chung.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Toà án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật cho anh H nhưng anh H không có ý kiến trình bày quan điểm về việc chị T có đơn xin ly hôn. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải anh H vắng mặt không có lý do chính đáng nên không có ý kiến của anh H trong hồ sơ vụ án. Chị T có đơn đề nghị tòa không tiến hành hòa giải đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, chị T vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt), anh Hòa đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần đến để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX) công bố những ý kiến của đương sự có trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về ly hôn, bị đơn là anh Nguyễn Văn H, sinh năm: 1996*;* Địa chỉ: Thôn TT, xã TĐ, huyện T, tỉnh Thanh Hoá nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS thì đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Nguyễn Văn H được biết về việc Tòa án đã thụ lý vụ án và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để trình bày ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị T nhưng anh H không trình bày ý kiến và đồng thời vắng mặt không có lý do tại phiên họp. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vắng mặt anh H, do anh H không có mặt tại phiên họp, chị T đề nghị Tòa án khong tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, chị T vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, anh H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt đối với anh H, chị T.

[2]. Về hôn nhân: Chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Văn H có đăng ký đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TĐ, huyện T, tỉnh Thanh Hóa ngày 27/03/2019. Việc đăng ký kết hôn của anh, chị là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh, chị sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi cọ. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay, không ai quan tâm tới ai nữa. Nay chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H, anh H đã được triệu tập hợp lệ

nhưng không trình bày ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của chị T và cũng không có mặt để tham gia hòa giải, phiên tòa chứng tỏ anh có thái độ bỏ mặc không quan tâm đến ý kiến và nguyện vọng của chị T. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ, chồng giữa chị T và anh H đã rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cả hai đều không còn mong muốn hàn gắn tình cảm nữa. Do đó nên căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị T được ly hôn anh H.

[3]. Về con chung: Vợ, chồng anh, chị chưa có con chung nên không xem xét.

[4]. Về tài sản, công nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh H không trình bày ý kiến của mình nên miễn xét.

[5]. Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 BLTTDS; Điều 6, khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn H

2. Về án phí: Chị Bùi Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T theo biên lai số AA/2021/0007853 ngày 02/11/2022, chị T đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt chị T, anh H. Chị T, anh H có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện T;
- Các đương sự;
- UBND xã TĐ;
- Chi cục THADS huyện T;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Quân